

Giấy ủy quyền 委任状

(あて先 Kính gửi) (あて先) 長浜市長 様

長浜市長 様Thị trường thành phố Nagahama

長浜市会計管理者 様 Người quản lý kế toán thành phố Nagahama

Rei wa
令和năm
年tháng
月ngày
日

住所 Địa chỉ

委任者

氏名 Họ và tên

Người ủy
quyền

※自署以外の場合は押印が必要です Trường hợp không tự ký thì cần đóng dấu.

生年月日 Sinh

năm
年tháng
月ngày
日

電話番号 Số điện thoại

私は、次の者を代理人と定め、下記の事項を委任します。

Tôi sẽ chọn người sau cho người đại lý nhờ làm các thủ tục như sau.

代理人

Người đại lý
(Người đến
quầy)

住所 Địa chỉ

氏名 Họ và tên

生年月日 Sinh

năm
年tháng
月ngày
日

○委任事項 (当てはまるものにチェックをしてください。)

○Những điều ủy quyền (Hãy ghi ✓ vào điều ủy quyền.)

- ☐ 住民票・戸籍証明書等の交付申請および受領 Cấp hay nhận phiếu cư trú, giấy chứng nhận hộ tịch.
* 戸籍の場合、必要な戸籍の本籍地を記入〔本籍：滋賀県長浜市 〕
Trường hợp hộ tịch, hãy ghi chỗ hộ tịch cần thiết. [Chỗ hộ tịch: Số thành phố Nagahama tỉnh Shiga.]
- ☐ 住所異動(転入・転出・転居)・世帯異動等の届出
Khai báo chuyển địa chỉ(đến, đi, chuyển trong thành phố) hay chuyển hộ, v.v.
- ☐ 印鑑登録・廃止の手続き (登録の場合、登録申請する印鑑で委任者欄に押印してください)
Thủ tục đăng ký hoặc bãi bỏ đăng ký con dấu (Hãy đóng dấu muốn đăng ký vào chỗ người ủy quyền ghi trường hợp đăng ký.)
- ☐ マイナンバーカードに関する手続
Thủ tục thẻ My number
- ☐ 税・料に関する証明書等の交付申請と受領、これらに関する各種手続き(納付含む)
Cấp hay nhận các giấy chứng nhận thuế, tiền phí (Bao gồm đóng tiền phí.)
- ☐ 税・料に関する各種申告
Khai báo khác loại về thuế hay phí
- ☐ 資格取得・喪失等に関する手続き (国民健康保険・国民年金・後期高齢者医療・福祉医療)
Thủ tục cấp hay mất tư cách, v.v. ... (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, hệ thống trợ cấp quốc dân, y tế dành cho người hậu kỳ cao tuổi, y tế phúc lợi)
- ☐ 証の受領 (国民健康保険・後期高齢者医療・福祉医療)
Nhận giấy chứng nhận (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, y tế dành cho người hậu kỳ cao tuổi, y tế phúc lợi)
- ☐ 限度額適用 (標準負担額減額) 認定に関する手続き (国民健康保険・後期高齢者医療)
Thủ tục để nhận định số tiền hạn chế (giảm số tiền trả tiêu chuẩn) (Bảo hiểm sức khỏe quốc dân, y tế dành cho người hậu kỳ cao tuổi)
- ☐ 次の支払金の受領に関すること (当てはまるものにチェックをしてください。)
Thủ tục nhận tiền như sau (Hãy ghi ✓ vào điều đúng.)
- ☐ 国民健康保険高額療養費
Tiền phí y tế giá cao bảo hiểm sức khỏe quốc dân
- ☐ 国民健康保険療養費・出産育児一時金・葬祭費
Tiền phí y tế bảo hiểm sức khỏe quốc dân, trợ cấp trọn gói khi sinh con, phí tang lễ
- ☐ 医療費 (福祉医療制度)
Phí y tế (Chế độ phúc lợi y tế)
- ☐ 市税・国民健康保険料・後期高齢者医療保険料の還付金
Tiền hoàn lại từ thuế thành phố, tiền bảo hiểm sức khỏe quốc dân, tiền bảo hiểm y tế dành cho người hậu kỳ cao tuổi
- ☐ その他/ Khác

※ 委任状がある場合でも、即時交付等ができないものもあります。(国保証の即時交付および代理受領は、郵便局から返送された場合に限りです)
Tùy có giấy ủy quyền, nhưng cũng có trường hợp không thể cấp ngay, v.v. ... (Trường hợp bưu điện gửi qua để làm thủ tục thì thành phố sẽ cấp giấy bảo hiểm sức khỏe quốc dân ngay cho người đại lý.).

※ 代理人の方は、在留カード、マイナンバーカード・運転免許証・パスポートなど、顔写真入りの本人確認書類をお持ちください。

Những người đại lý hãy mang giấy tờ xác minh mà có ảnh như Thẻ My number, bằng lái, hộ chiếu, v.v. ...

※ 委任状の偽造または偽造した委任状を行使した場合、刑法第159条、第161条 により罰せられます。

Trường hợp làm giấy ủy quyền giả hay sử dụng giấy ủy quyền giả thì sẽ bị phạt theo điều 159, điều 161 Luật hình sự.